ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 850 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn huyện Gò Dầu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo 167 tỉnh (Sở Tài chính) tại Tờ trình số 39/TTr-BCĐ167 ngày 20/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ trên địa bàn huyện Gò Dầu, cụ thể:

1. Tổng diện tích đất: 664.628,97 m^2. Trong đó:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng: 639.957,77 m^2.

- Điều chuyển: 6.765 m^2.

- Bán đấu giá quyền sử dụng đất: 17.906,2 m^2.

2. Tổng diện tích sàn sử dụng nhà: 124.790,33 m^2. Trong đó:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng: 121.235,28 m^2.

- Điều chuyển: 1.716,07 m^2.

- Bán đấu giá tài sản trên đất: 1.838,976 m^2.

(Biểu chi tiết từng cơ quan, đơn vị kèm theo Mẫu số 01; Phụ lục I, II).

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan khác có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Phương án sắp xếp nhà đất đã được phê duyệt theo đúng tiến độ và đảm bảo theo quy định hiện hành.

Riêng đối với nhà, đất được phê duyệt giữ lại tiếp tục sử dụng nếu chưa hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP: Long, Nhung, CVK;
- Lưu: VT. VP ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

06 V QD GO DAU

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Mẫu số 01

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GÒ DẦU

(kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
I	**Khối quản lý nhà nước**								
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện								
a	Trụ sở; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	3.600,00	1.696,00	3.192,00	Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 27/10/1997 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Hội trường; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	2.696,00	737,20	737,20		Xây dựng hội trường UBND huyện	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Công viên; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	6.048,00				Xây dựng công viên	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	1.259,40	222,65	448,50	Giấy CNQSDĐ số T01221, ngày 29/7/2008	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng TN&MT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	464,40	160,02	160,02	Giấy CNQSDĐ số 04, ngày 18/06/2003	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng LĐTB&XH	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Phòng Văn hóa và Thông tin								
a	Trụ sở; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	1.805,00	730,00	1.460,00	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng VH&TT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Khu di tích; Ấp Phước Bình, xã Phước Thạnh	24.191,00	426,00	426,00	Giấy CNQSDĐ số CT00722, ngày 27/12/2013	Xây dựng nhà bia tưởng niệm	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo								
a	Trụ sở; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	808,40	215,00	430,00	Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 17/10/2008 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng GD&ĐT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Trường TH Phước Đức; Ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	1.035,20	322,80	322,80	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
c	Trường TH Phước Hội; Ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	1.680,10	312,00	312,00	Giấy CNQSDĐ số AH392266, ngày 29/11/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Trường TH Trần Quốc Đại; Ấp Rỗng Tượng, xã Thanh Phước	493,40	314,996	314,996	Giấy CNQSDĐ số N^0 023631, cấp ngày 21/7/2004	Xây dựng trường học	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
e	Trường TH Phước Hội; Ấp Phước An, xã Phước Thạnh	1.225,50			Giấy CNQSDĐ số BM189423, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng trường học	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán đấu giá QSDĐ	
6	Phòng Tài chính-Kế hoạch; Khu phố Nội Ô, thị trấn Gò Dầu								
a	Trụ sở; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	558,00	218,94	218,94	Giấy CNQSDĐ số 06, ngày 18/06/2003	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng TC-KH	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Trạm cấp nước cũ; KP3, đường Lê Văn Thới, khu phố Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu	45,00	45,00	45,00	Không có	Xây dựng trạm cấp nước	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán đấu giá QSDĐ	
7	Phòng Nội vụ; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	342,00	192,78	192,78	Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 14/9/2008 của UBND huyện Gò Dầu	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Nội vụ	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	2.019,80	386,16	386,16	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng NN&PTNT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Phòng Kinh tế và Hạ tầng; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	1.282,20	402,71	805,42	Công văn số 1231/UBND-KTN ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng KT&HT, Ban QLDAĐT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Thanh tra; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	555,00	160,02	160,02	Giấy CNQSDĐ số 05, ngày 18/06/2003	Xây dựng trụ sở làm việc Thanh tra	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
II	**Khối Đoàn thể**								
1	Huyện đoàn; Ô2, đường Lê Hồng Phong, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	1.321,80	178,00	356,00	Giấy CNQSDĐ số CT00422, ngày 28/09/2012	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện đoàn	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Hội Chữ thập đỏ; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	291,60	156,40	156,40	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc Hội Chữ thập đỏ	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
3	Hội Đông y; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	140,60	140,60	140,60	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc Hội Đông y	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
III	**Khối sự nghiệp**								
1	Ban Quản lý chợ								
a	Trụ sở; KP1, đường Ngô Gia Tự, dhu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	128,70	128,70	287,65	Giấy CNQSDĐ số AH392123, ngày 02/07/2007	Trụ sở làm việc	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Chợ vải; KP1, đường Ngô Gia Tự, dhu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	2.393,60			Không có	Xây dựng chợ	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Nhà lồng chợ; KP1, đường Ngô Gia Tự, dhu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	1.847,50			Không có	Xây dựng chợ	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	1.596,00	352,56	721,66	Giấy CNQSDĐ số TT00265, ngày 09/04/2012	Xây dựng trụ sở Trung tâm BDCT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Đài Truyền thanh; Khu phố Nội Ô, thị trấn Gò Dầu								
a	Trụ sở Đài Truyền thanh; KP1, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	2.201,50	166,22	332,44	Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 18/4/2009	Xây dựng trụ sở Đài Truyền thanh	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Trụ sở Đài Truyền thanh cũ; KP1, QL 22B, Khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	238,40	155,90	155,90	Không có	Trụ sở làm việc	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
4	Trung tâm Văn hóa-Thông tin-Thể thao								
a	Trụ sở; Ô2, đường Lê Hồng Phong, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	12.131,60	1.067,00	2.134,00	Giấy CNQSDĐ số AH392165, ngày 29/08/2007	Xây dựng trụ sở Trung tâm VH-TT-TT	Trụ sở làm việc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	CLB bóng bàn; KP3, đường Lê Văn Thới, khu phố Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu	250,90	114,84	114,84	Giấy CNQSDĐ số AH392197, ngày 19/09/2007	Xây dựng CLB bóng bàn	Vui chơi, giải trí	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Bãi hát; Ô2, đường Lê Hồng Phong, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	4.333,10			Không có	Xây dựng bãi hát	Vui chơi, giải trí	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
d	Sân vận động huyện Gò Dầu; Ô2, đường Lê Hồng Phong, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	11.639,20	240,00	240,00	Không có	Xây dựng sân vận động	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán đấu giá QSDĐ để thực hiện dự án xây dựng nhà ở thương mại và dịch vụ	
*	**Sự nghiệp giáo dục**								
1	Trường MG Cẩm Giang								
a	Tổ 14, ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	3.438,00	461,00	922,00	Giấy CNQSDĐ số CT 00826, ngày 16/01/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 9, ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	714,00	92,40	92,40	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	152,50			Không có	Xây dựng trường học	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán đấu giá QSDĐ	
2	Trường MN Thạnh Đức								
a	Tổ 10, đường số 10, ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	2.200,50	805,80	805,80	Giấy CNQSDĐ số AH 392256, ngày 06/12/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 19, đường số 9, ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	1.177,80	317,00	317,00	Không có	Xây dựng trường học	Sử dụng làm chốt CSGT Công an tỉnh	Thu hồi điều chuyển cho Công an tỉnh	
c	Tổ 1, đường số 8, ấp Bến Chò, xã Thạnh Đức	703,20	193,00	193,00	Giấy CNQSDĐ số AH 189390, ngày 16/01/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
d	Tổ 14, đường 784B, ấp Đường Long, xã Thạnh Đức	708,60	244,00	244,00	Giấy CNQSDĐ số AH 314546, ngày 29/02/2008	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
e	Tổ 5, đường Đá Hang-Truông Mít, ấp Rộc, xã Thạnh Đức	1.480,90	336,00	336,00	Giấy CNQSDĐ số AH 392257, ngày 21/12/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
f	Tổ 2, đường Trà Võ-Cầu Khởi, ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	1.885,00	367,00	367,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường MN Liên Cơ								
a	Trụ sở; Tổ 11, đường số 14, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	3.368,70	1.063,59	1.063,59	Giấy CNQSDĐ số AH 392104, ngày 20/06/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Phần đất mở rộng: Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	1.740,30	694,20	694,20	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường MG Phước Trạch: Số 8, tổ 9, đường Cao Sơn Tự, ấp Cây Ninh, xã Phước Trạch	2.431,50	897,22	1.794,44	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
5	Trường MN Trần Thị Sanh; Số 89, tổ 15, KP Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	3.976,10	511,14	1.731,00	Giấy CNQSDĐ số BA 021550, ngày 27/11/2011	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường MN Thị trấn Gò Dầu								
a	Tổ 21, đường Lê Hồng Phong, KP Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	196,40	463,20	463,20	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 4, đường Dương Văn Nốt, KP Thanh Bình, thị trấn Gò Dầu	968,60	136,00	136,00	Giấy CNQSDĐ số AC 991121, ngày 06/07/2005	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Tổ 5, đường Trường Chinh, KP Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	642,20	114,00	114,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường MG Phước Thạnh								
a	Tổ 8, đường Phước Hòa-Phước Hội, ấp Phước Hội, xã Phước Thạnh	2.598,80	280,00	555,80	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 1, đường số 33, ấp Phước An, xã Phước Thạnh	2.632,00	56,00	162,50	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Tổ 2, đường liên xã Hiệp Thạnh-Phước Thạnh, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	1.917,20	448,00	448,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường MG Thanh Phước								
a	Hẻm số 206, tổ 17, ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước	2.415,42	1.006,40	1.006,40	Giấy CNQSDĐ số CT00317, ngày 13/04/2012	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 4, ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước	1.598,50	323,00	323,00	Giấy CNQSDĐ số CT00296, ngày 09/04/2012	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Tổ 3, ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	1.568,00	120,00	120,00	Giấy CNQSDĐ số CT00777, ngày 16/01/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường MG Hiệp Thạnh; Tổ 13, ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	4.668,00	224,00	224,00	Giấy CNQSDĐ số CT000538, ngày 02/04/2013	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường MG Phước Đông								
a	Tổ 10, ấp Phước Đức A, xã Phước Đông	2.472,00	1.517,00	1.517,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 1, ấp Suối Cao A, xã Phước Đông								
	. Vị trí 01	1.336,10	424,00	424,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
	. Vị trí 02	1.661,90			Không có	Xây dựng trường học	Đất đang bỏ trống	Thu hồi điều chuyển cho Công an tỉnh	
11	Trường MG Bàu Đồn								
a	Tổ 22, ấp 5, xã Bàu Đồn	3.476,00	526,60	669,00	Giấy CNQSDĐ số BA 021568, ngày 18/03/2011	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 8, ấp 6, xã Bàu Đồn	1.148,90	37,00	37,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Ấp 1, xã Bàu Đồn	352,20	129,17	129,17	Không có	Xây dựng trường học	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
d	Ấp 4, xã Bàu Đồn	1.132,00	320,21	320,21	Không có	Xây dựng trường học	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
II	**Khối Tiểu học**								
1	Trường TH Cẩm Thắng; Đường số 19, tổ 18, ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	9.785,60	408,00	816,00	Giấy CNQSDĐ số BM189541, ngày 23/04/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường TH Cẩm Long; Tổ 19, ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	4.017,50	1.045,00	1.045,00	Giấy CNQSDĐ số AH392275, ngày 18/12/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường TH Cẩm An; Đường số 29, tổ 28, ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	5.432,00	796,00	1.466,00	Giấy CNQSDĐ số CT02258, ngày 26/11/2018	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường TH Ấp Rộc								
a	Tổ 5, ấp Rộc A, xã Thạnh Đức	7.051,00	560,00	560,00	Giấy CNQSDĐ số CT01289, ngày 08/09/2015	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 12, ấp Rộc B, xã Thạnh Đức	1.362,90	168,00	168,00	Giấy CNQSDĐ số CT00780, ngày 16/01/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường TH Bông Trang; Ấp Bông Trang, xã Thạnh Đức								
a	Tổ 12, ấp Bông Trang, xã Thạnh Đức	2.188,10	416,00	416,00	Giấy CNQSDĐ số AH392260, ngày 28/11/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 12, ấp Bông Trang, xã Thạnh Đức	2.929,10	336,00	336,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường TH Bến Đình								

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
a	Đường Trà Võ-Đất Sét, tổ 21, ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức	6.254,00	1.230,00	1.230,00	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	QL 22B, tổ 14, ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức	905,80	454,00	454,00	Giấy CNQSDĐ số AH314523, ngày 29/01/2008	Xây dựng trường học	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
7	Trường TH Bến Rộng; Tổ 1, ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	1.688,50	448,00	448,00	Giấy CNQSDĐ số AH392263, ngày 28/11/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường TH Bàu Đưng; Đường số 1, tổ 3, ấp Bến Chò, xã Thạnh Đức	1.276,40	396,80	396,80	Giấy CNQSDĐ số AH392258, ngày 18/12/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường TH Xóm Bố; Tổ 13, ấp Xóm Bố, xã Hiệp Thạnh	2.098,00	689,00	689,00	Giấy CNQSDĐ số AH392095, ngày 20/06/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường TH Đá Hàng; Đường số 10, tổ 22, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	7.138,00	1.633,32	3.460,26	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11	Trường TH Tầm Lanh; Tổ 12, ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh	2.338,70	540,00	540,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Trường TH Cây Da								
a	Đường liên xã Phước Thạnh-Hiệp Thạnh, tổ 10, ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	2.129,00	504,00	504,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 14, ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	813,00	280,00	280,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Trường TH Phước Trạch								
a	Đường Cao Sơn Tự, tổ 14, ấp Cây Nính, xã Phước Trạch	8.746,40	1.153,00	2.253,00	Giấy chứng nhận QSDĐ số BM 189378, ngày 13/01/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Đường Cao Sơn Tự, tổ 18, ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	1.033,20	588,00	588,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Trường TH Thị trấn Gò Dầu; Đường Lê Văn Thới, tổ 17, khu phố Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu	4.793,60	2.007,40	3.193,80	Giấy CNQSDĐ số 100460, ngày 13/09/2002	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Trường TH Rạch Sơn; Số 132, tổ 8, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	1.388,30	615,00	615,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Trường TH Thanh Bình; Khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu								
a	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tổ 4, KP Thanh Bình A, thị trấn Gò Dầu	5.639,20	784,00	1.568,00	Giấy CNQSDĐ số CB 640505, ngày 02/02/2016	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
b	Đường Dương Văn Nốt, tổ 4, khu phố Thanh Bình A, thị trấn Gò Dầu	709,30	392,00	392,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Trường TH Trần Quốc Đại; Đường 782, tổ 9, ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước	7.379,50	448,00	784,00	Giấy CNQSDĐ số CĐ540111, ngày 03/11/2017	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Trường TH Thanh Hà								
a	Số 62, đường Lê Hồng Phong, tổ 12, KP Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	5.634,10	583,00	583,00	Giấy CNQSDĐ số CT801252, ngày 07/07/2015	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Số 55, đường Hùng Vương, tổ 15, KP Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	1.706,60	729,47	729,47	Giấy CNQSDĐ số CT00869, ngày 30/01/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Thu hồi điều chuyển cho Công an tỉnh	
19	Trường TH Trâm Vàng								
a	Tổ 7, ấp Trâm Vàng, xã Thanh Phước	5.984,60	1.502,57	1.502,57	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 7, ấp Trâm Vàng, xã Thanh Phước	1.524,90	228,05	228,05	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
20	Trường TH Xóm Mới; Hẻm 198, đường Hương Lộ 1, ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	6.054,00	1.152,00	1.152,00	Giấy CNQSDĐ số CT01511, ngày 14/06/2016	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
21	Trường TH Phước Hội; Đường số 22, tổ 10, ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	9.113,60	720,00	720,00	Giấy CNQSDĐ số CT00037, ngày 18/06/2010	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
22	Trường TH Phước Hòa; Số 48, tổ 7, ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	6.587,40	829,00	829,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23	Trường TH Phước Đức								
a	Tổ 10, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	2.893,80	1.064,00	1.064,00	Giấy CNQSDĐ số CT01283, ngày 06/12/2006	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Tổ 10, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	1.166,50			Giấy CNQSDĐ số AH392272, ngày 06/12/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Tổ 4, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	1.035,20	322,80	322,80	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Trường TH Suối Cao; Ấp Suối Cao, xã Phước Đông	7.890,00	785,50	1.572,00	Giấy CNQSDĐ số BM189344, ngày 13/01/2014	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25	Trường TH Cây Trắc; Đường số 9, tổ 12, ấp Cây Trắc, xã Phước Đông	7.000,10	786,00	786,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
26	Trường TH Ấp 3 Bàu Đồn; Đường số 9, tổ 9, ấp 3, xã Bàu Đồn	4.115,90	1.114,67	1.114,67	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
27	Trường TH Ấp 4 Bàu Đồn; Tổ 16, ấp 4, xã Bàu Đồn	2.005,00	916,20	916,20	Giấy CNQSDĐ số 100438, ngày 13/09/2012	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
28	Trường TH Ấp 5 Bàu Đồn; Tổ 22, ấp 5, xã Bàu Đồn	6.000,00	679,60	679,60	Giấy CNQSDĐ số BA021951, ngày 18/06/2010	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
29	Trường TH Ấp 6 Bàu Đồn; Tổ 8, ấp 6, xã Bàu Đồn	6.308,40	1.553,00	1.553,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
30	Trường TH Bàu Đồn; Đường 784, tổ 3, ấp 2, xã Bàu Đồn	6.144,40	864,00	864,00	Giấy CNQSDĐ số V504047, ngày 13/09/2002	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
III	**Khối THCS**								
1	Trường THCS Lê Lợi; QL 22B, tổ 20, ấp Cầm Thắng, xã Cầm Giang	11.454,10	3.282,00	4.174,00	Giấy cCNQSDĐ số AH392276, ngày 11/12/2007	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Trường THCS Thạnh Đức; Đường số 13, tổ 21, ấp Bến Mương, xã Hiệp Thạnh								
	Vị trí 01	2.218,70	669,60	669,60	Giấy CNQSDĐ số BM189222, ngày 19/11/2013	Xây dựng trường học	Trường học	Thu hồi giao cho Công ty Tanifood	
	Vị trí 02	3.778,40	298,70	298,70	Giấy CNQSDĐ số BM189221, ngày 19/11/2013	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trường THCS Hiệp Thạnh; Tổ 30, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	9.202,00	1.222,00	2.444,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Trường THCS Trần Hưng Đạo; Đường Cao Sơn Tự, tổ 19, ấp Cây Nính, xã Phước Trạch	10.923,30	863,00	1.726,00	Giấy CNQSDĐ số BM189201, ngày 01/11/2013	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Trường THCS Thị trấn; Đường Lê Văn Thới, tổ 16, KP Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu	3.659,10	2.572,00	2.572,00	Giấy CNQSDĐ số AC991119, ngày 06/07/2005	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trường THCS Lê Văn Thới; Đường Trường Chinh, tổ 9, KP Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	8.185,70	3.333,58	3.333,58	Giấy chứng nhận QSDĐ số BM 189006, ngày 11/08/2008	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trường THCS Thanh Phước								
a	Tổ 15, ấp Trầm Vàng 3, xã Thanh Phước	6.069,40	1.494,19	1.494,19	Giấy CNQSDĐ số V504043, ngày 13/09/2002	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
b	Tổ 15, ấp Trầm Vàng 3, xã Thanh Phước	3.000,00			Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 15/1/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	Trường THCS Phước Thạnh; Đường Phước Thạnh-Bàu Đồn, tổ 9, ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	16.890,00	1.458,00	1.800,00	Giấy CNQSDĐ số V504040, ngày 13/09/2002	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Trường THCS Phước Đông; Đường 782, tổ 10, ấp Phước Đức A, xã Phước Đông	10.813,20	1.842,00	1.842,00	Giấy CNQSDĐ số CT00096, ngày 29/10/2010	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10	Trường THCS Bàu Đồn; Tổ 1, ấp 2, xã Bàu Đồn								
a	Trụ sở	8.978,50	1.789,00	3.578,50	Giấy CNQSDĐ số AH314835, ngày 11/11/2009	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Sân chơi bãi tập	4.959,90	70,80	70,80	Giấy CNQSDĐ số CT02232, ngày 03/4/2018	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
IV	**UBND các xã, thị trấn**								
1	**Xã Cẩm Giang**								
1.1	Trụ sở UBND xã; Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	6.859,90	670,00	1.340,00	Giấy CNQSDĐ số 023446	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.2	Nhà văn hóa; Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	10.462,00	351,00	351,00	Giấy CNQSDĐ số 023446	Xây dựng nhà văn hóa ấp Cẩm Thắng	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp Cẩm Thắng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.3	Văn phòng ấp Cẩm Thắng; Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	114,40	52,20	52,20	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cẩm Thắng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cẩm Thắng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.4	Văn phòng ấp Cẩm An; Ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	894,30	52,20	52,20	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cẩm An	Chốt tuần tra ấp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.5	Văn phòng ấp Cẩm Long; Ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	442,60	52,20	52,20	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cẩm Long	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cẩm Long	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.6	Văn phòng ấp Cẩm Bình; Ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	116,20	42,00	42,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cẩm Bình	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cẩm Bình	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.7	Chợ; Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	1.527,40	454,00	454,00	Giấy CNQSDĐ số I902325	Xây dựng chợ Cẩm Giang	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.8	Văn phòng MTTQ cũ; Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	509,70			Không có	Xây dựng văn phòng MTTQ xã	Đang quản lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.9	Trạm y tế; Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang				Không có				

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
a	Vị trí 1	136,40	63,75	63,75	Giấy CNQSDĐ số BM189384	Xây dựng Trạm Y tế xã	Chốt tuần tra ấp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
b	Vị trí 2	286,00	130,60	130,60	Giấy CNQSDĐ số BM189383	Xây dựng Trạm Y tế xã	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cẩm Long	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
c	Vị trí 3	562,50	192,60	192,60	Giấy CNQSDĐ số BM189326	Xây dựng Trạm Y tế xã	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cẩm An	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.10	Trường TH Bàu Trâm	1.078,80			Không có	Xây dựng trường học	Chốt tuần tra ấp	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.11	Văn phòng ấp Cẩm Long cũ	114,40	52,20	52,20	Không có	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cẩm Long	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
2	**Xã Thạnh Đức**								
2.1	Trụ sở UBND xã; Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	10.747,60	1.079,90	1.079,90	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.2	Văn phòng ấp Trà Võ; Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	75,00	75,00	75,00	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Trà Võ	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Trà Võ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.3	Văn phòng ấp Bến Đình; Ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	137,20	75,00	75,00	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Đình	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Đình	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.4	Văn phòng ấp Bến Mương; Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức	253,30	75,00	75,00	Giấy CNQSDĐ số CT00783, ngày cấp ngày 13/01/2014	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Mương	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Mương	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.5	Văn phòng ấp Rộc A; Ấp Rộc A, xã Thạnh Đức	111,00	75,00	75,00	Giấy CNQSDĐ số CT00784, ngày cấp ngày 13/01/2014	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Rộc A	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Rộc A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.6	Văn phòng ấp Bông Trang; Ấp Bông Trang, xã Thạnh Đức	228,00	140,00	140,00	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Bông Trang	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Bông Trang	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.7	Văn phòng ấp Cầu Sắt; Ấp Cầu Sắt, xã Thạnh Đức	990,60	75,00	75,00	Giấy CNQSDĐ số CT00782, ngày cấp ngày 13/01/2014	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Cầu Sắt	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cầu Sắt	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.8	Văn phòng ấp Bến Rộng; Ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	130,40	75,00	75,00	Giấy CNQSDĐ số CT00781, ngày cấp ngày 13/01/2014	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Rộng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Rộng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.9	Văn phòng ấp Đường Long; Ấp Đường Long, xã Thạnh Đức	74,90	74,90	74,90	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Đường Long	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Đường Long	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.10	Văn phòng ấp Rộc B; Ấp Rộc B, xã Thạnh Đức	80,00	75,00	75,00	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Rộc B	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Rộc B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.11	Văn phòng ấp Bến Chò; Ấp Bến Chò, xã Thạnh Đức	80,00	75,00	75,00	Không có	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Chò	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Bến Chò	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
2.12	Trung tâm văn hóa; Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	2.095,90	240,00	240,00	Không có	Xây dựng Trung tâm văn hóa xã	Trụ sở làm việc Trung tâm văn hóa xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.13	Nhà bia tưởng niệm; Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	550,40			Không có	Xây dựng nhà bia tưởng niệm	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Trà Võ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.14	Đình thần Bến Mương	6.314,40			Không có	Xây dựng Đình thần	Đang quản lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.15	Trường TH Bến Rộng (điểm cầu sắt); Ấp Cầu Sắt, xã Thạnh Đức	2.085,60			Không có	Xây dựng trường học	Đang quản lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.16	Nhà văn hóa ấp Đường Long; Ấp Đường Long, xã Thạnh Đức	247,70	102,00	102,00	Không có	Xây dựng nhà văn hóa ấp Đường Long	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp Đường Long	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.17	Chợ Thạnh Đức; Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	1.681,40			Không có	Xây dựng nhà chợ Thạnh Đức	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.18	Sân banh + Trung tâm VHTT-HTCĐ; Ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	8.874,00			Không có	Xây dựng Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Khu vui chơi, giải trí và Trụ sở làm việc Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.19	Sân banh ấp Bến Rộng	6.684,20			Giấy CNQSDĐ số CT00785, cấp ngày 13/01/2014	Xây dựng sân banh	Khu vui chơi, giải trí	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.20	Sân banh ấp Cầu Sắt	8.643,50			Giấy CNQSDĐ số CT00786, cấp ngày 13/01/2014	Xây dựng sân banh	Khu vui chơi, giải trí	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.21	Đình thần Bến Chò	2.433,80			Không có	Xây dựng Đình thần	Đang quản lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	**Xã Hiệp Thạnh**								
3.1	Nhà làm việc HĐND-UBND xã (cũ); Ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	5.672,00	72,00	72,00	Giấy CNQSDĐ số CT00914, ngày 14/03/2014	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Văn phòng ấp Cây Da	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.2	Nhà làm việc HĐND-UBND xã (mới); Ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	9.331,40	632,00	1.264,00	Giấy CNQSDĐ số CT00913, ngày 14/03/2014	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.3	Nhà ăn Công an xã	824,90	54,00	54,00	Giấy CNQSDĐ số CT00918, ngày 14/03/2014	Xây dựng trụ sở Công an xã	Nhà ăn Công ăn xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.4	Văn phòng ấp Xóm Bố	102,20	48,00	48,00	Giấy CNQSDĐ số CT00915, ngày 14/03/2014	Xây dựng văn phòng ấp Xóm Bố	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Xóm Bố	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.5	Văn phòng ấp Tầm Lanh	255,50	48,00	48,00	Giấy CNQSDĐ số CT01795, ngày 08/5/2017	Xây dựng văn phòng ấp Tầm Lanh	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Tầm Lanh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.6	Văn phòng ấp Chánh	824,90	54,00	54,00	Giấy CNQSDĐ số CT00917, ngày 14/03/2014	Xây dựng văn phòng ấp Chánh	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Chánh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
3.7	Văn phòng ấp Giữa (mới)	467,00	194,40	194,40	Giấy CNQSDĐ số CT00957, ngày 14/03/2014	Xây dựng văn phòng ấp Giữa	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Giữa	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.8	Văn phòng ấp Đá Hàng	923,90	24,00	24,00	Giấy CNQSDĐ số CT00916, ngày 14/03/2014	Xây dựng văn phòng ấp Đá Hàng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Đá Hàng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.9	Tổ y tế ấp Chánh	165,10	106,60	106,60	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Chánh	Tổ y tế	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.10	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh (mới); Ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	792,00	296,00	296,00	Giấy CNQSDĐ số CT01290, ngày 08/9/2015	Xây dựng Trạm Y tế xã	Trụ sở trạm y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.11	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh (cũ); Ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	480,90	152,20	152,20	Giấy CNQSDĐ số T00677, ngày 07/7/2003	Xây dựng Trạm Y tế xã	Đang quản lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	**Xã Phước Trạch**								
4.1	Trụ sở UBND xã; Ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch	8.398,50	645,50	1.291,00	Giấy CNQSDĐ số T01355, ngày 25/6/2009	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.2	Văn phòng ấp Bàu Vừng	136,20	83,50	83,50	Giấy CNQSDĐ số CT00823, ngày 13/01/2014	Xây dựng văn phòng ấp Bàu Vừng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Bàu Vừng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.3	Văn phòng ấp Cây Nính	274,60	42,00	42,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cây Nính	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cây Nính	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.4	Sân vận động; Ấp Cây Nính, xã Phước Trạch	10.576,90			Không có	Xây dựng sân vận động	Khu vui chơi, giải trí	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.5	Trung tâm VHTT-HTCĐ xã; Ấp Cây Nính, xã Phước Trạch	8.682,70	2.580,00	2.580,00	Giấy CNQSDĐ số CT00824, ngày 13/01/2014	Xây dựng Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Trụ sở làm việc Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.6	Nhà văn hóa ấp Xóm Mía; Ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	5.100,70	104,00	104,00	Không có	Xây dựng nhà văn hóa ấp Xóm Mía	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp Xóm Mía	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.7	Chợ; Ấp Cây Nính, xã Phước Trạch	1.876,50			Không có	Xây dựng chợ Phước Trạch	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.8	Nghĩa trang Ba Bàu; Ấp Tầm Lanh, xã Phước Trạch	15.975,20			Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/10/2007	Xây dựng nghĩa địa	Đang quản lý	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4.9	Văn phòng ấp Xóm Mía cũ; Ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	179,80	42,00	42,00	Giấy CNQSDĐ số CT00822, ngày 13/01/2014	Xây dựng trụ sở làm việc văn phòng ấp Xóm Mía	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
4.10	Đất tiếp giáp Trạm Y tế của xã; Ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch	1.130,60			Không có	Xây dựng trạm y tế	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán đấu giá QSDĐ	
5	**Thị trấn Gò Dầu**								
5.1	Trụ sở UBND thị trấn; Ô2, QL 22B, khu phố Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	1.357,00	852,00	1.152,40	Giấy CNQSDĐ số T00685QSDĐ, ngày 18/7/2003	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
5.2	Văn phòng khu phố Thanh Hà; Ô2, đường Huỳnh Công Thắng, khu phố Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	624,50	30,00	30,00	Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 28/8/2001 của UBND tỉnh Tây Ninh.	Xây dựng văn phòng khu phố Thanh Hà	Trụ sở văn phòng khu phố Thanh Hà	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.3	Văn phòng khu phố Thanh Bình A; Ô1, đường Dương Văn Nốt, khu phố Thanh Bình A, thị trấn Gò Dầu	799,60	66,00	66,00	Giấy CNQSDĐ số CT00854, ngày 16/01/2014	Xây dựng văn phòng khu phố Thanh Bình A	Trụ sở văn phòng khu phố Thanh Bình A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.4	Văn phòng khu phố Rạch Sơn; Ô2, QL 22B, KP Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	163,30	47,10	47,10	Giấy CNQSDĐ số CT00856, ngày 16/01/2014	Xây dựng văn phòng khu phố Rạch Sơn	Trụ sở văn phòng khu phố Rạch Sơn	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.5	Văn phòng khu phố Nội Ô B; KP3, khu phố Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu	75,60	75,60	75,60	Giấy CNQSDĐ số CT00857, ngày 16/01/2014	Xây dựng văn phòng khu phố Nôi Ô B	Trụ sở văn phòng khu phố Nội Ô B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.6	Văn phòng khu phố Nội Ô A; KP1, khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	281,70	113,20	113,20	Không có	Xây dựng văn phòng khu phố Nôi Ô A	Trụ sở văn phòng khu phố Nội Ô A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.7	Văn phòng khu phố Thanh Bình B; Ô6, đường Xuyên Á, khu phố Thanh Bình B, thị trấn Gò Dầu	130,00	40,00	40,00	Giấy CNQSDĐ số CT00855, ngày 16/01/2014	Xây dựng văn phòng khu phố Thanh Bình B	Trụ sở văn phòng khu phố Thanh Bình B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.8	Văn phòng khu phố Thanh Bình C; Ô4, đường Dương Văn Nốt, khu phố Thanh Bình C, thị trấn Gò Dầu	963,80	113,70	113,70	Không có	Xây dựng văn phòng khu phố Thanh Bình C	Trụ sở văn phòng khu phố Thanh Bình C	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.9	Nhà làm việc Công an thị trấn; Ô1, KP Thanh Bình C, thị trấn Gò Dầu	992,40	316,58	316,58	Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 27/7/2007	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Gò Dầu	Trụ sở làm việc Công an thị trấn	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.10	Đất trung tâm HTCĐ; Đường Dương Văn Nốt, khu phố Thanh Bình A, thị trấn Gò Dầu	991,40	182,00	182,00	Không có	Xây dựng Trung tâm VHTT-HTCĐ	Trụ sở trung tâm VHTT-HTCĐ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.11	Văn phòng khu phố Thanh Hà cũ; Ô2, KP Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	65,00	43,50	43,50	Không có	Xây dựng văn phòng khu phố Thanh Hà	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
6	Xã Thanh Phước								
6.1	Trụ sở UBND xã; Ấp Trầm Vàng 3, xã Thanh Phước	7.068,00	996,45	1.992,90	Giấy CNQSDĐ số T00137, ngày 24/12/1998	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.2	Nhà văn hóa xã; Ấp Trầm Vàng 3, xã Thanh Phước	5.056,90	231,00	231,00	Giấy CNQSDĐ số T00137, ngày 24/12/1998	Xây dựng nhà văn hóa xã	Trụ sở làm việc nhà văn hóa xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.3	Văn phòng ấp Trâm Vàng 3	109,00	47,20	47,20	Giấy CNQSDĐ số CT01001, ngày 3/6/2014	Xây dựng văn phòng ấp Trâm Vàng 3	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Trâm Vàng 3	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
6.4	Văn phòng ấp Trâm Vàng 2	124,40	47,20	47,20	Giấy CNQSDĐ số CT01000, ngày 3/6/2014	Xây dựng văn phòng ấp Trâm Vàng 2	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Trâm Vàng 2	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.5	Văn phòng ấp Xóm Đồng	103,60	42,00	42,00	Giấy CNQSDĐ số CT01002, ngày 3/6/2014	Xây dựng văn phòng ấp Xóm Đồng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Xóm Đồng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.6	Văn phòng ấp Cây Xoài	768,80	48,00	48,00	Giấy CNQSDĐ số CT00998, ngày 3/6//2014	Xây dựng văn phòng ấp Cây Xoài	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cây Xoài	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.7	Văn phòng ấp Xóm Mới 1	144,10	47,20	47,20	Giấy CNQSDĐ số CT00997, ngày 3/6/2014	Xây dựng văn phòng ấp Xóm Mới 1	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Xóm Mới 1	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.8	Nhà văn hóa ấp Xóm Đồng	7.995,60	192,70	192,70	Giấy CNQSDĐ số CT01003, ngày 3/4/2014	Xây dựng văn phòng ấp Xóm Đồng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Xóm Đồng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.9	Nhà văn hóa ấp Rỗng Tượng	674,00	104,00	104,00	Giấy CNQSDĐ số CT00999, ngày 3/4/2014	Xây dựng văn phòng ấp Rỗng Tượng	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Rỗng Tượng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.10	Nhà văn hóa ấp Xóm Mới 2	418,20	104,00	104,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Xóm Mới 2	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Xóm Mới 2	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.11	Nhà văn hóa ấp Trâm Vàng 1	753,20	104,00	104,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Trâm Vàng 1	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Trâm Vàng 1	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.12	Nhà văn hóa ấp Cây Xoài	732,40	104,00	104,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cây Xoài	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cây Xoài	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.13	Văn phòng ấp Xóm Đồng cũ	103,60	42,00	42,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Xóm Đồng	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán tài sản trên đất, đấu giá QSDĐ	
7	**Xã Phước Thạnh**								
7.1	Trụ sở UBND xã; Ấp Phước Hội, xã Phước Thạnh	4.987,10	630,33	1.260,66	Giấy CNQSDĐ số CT00865, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.2	Văn phòng ấp Phước Hội A	220,00	45,00	45,00	Giấy CNQSDĐ số CT00037, cấp ngày 18/06/2010	Xây dựng văn phòng ấp Phước Hội A	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Hội A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.3	Văn phòng ấp Phước Hội B	82,70	45,00	45,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Phước Hội B	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Hội B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.4	Văn phòng ấp Phước Bình A	374,70	45,00	45,00	Giấy CNQSDĐ số CT00868, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng văn phòng ấp Phước Bình A	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Bình A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
7.5	Văn phòng ấp Phước Bình B	217,00	45,00	45,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Phước Bình B	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Bình B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.6	Văn phòng ấp Phước An	39,30			Giấy CNQSDĐ số CT00869, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng văn phòng ấp Phước An	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước An	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.7	Văn phòng ấp Phước Chánh	1.196,80	45,00	45,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Phước Chánh	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Chánh	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.8	Văn phòng ấp Phước Hòa	812,30	45,00	45,00	Giấy CNQSDĐ số CT00867, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng văn phòng ấp Phước Hòa	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Hòa	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.9	Văn phòng ấp Phước Đông	447,00	45,00	45,00	Giấy CNQSDĐ số CT00866, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng văn phòng ấp Phước Đông	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Đông	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.10	Văn phòng ấp Phước Tây	58,80	45,00	45,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Phước Tây	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Tây	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.11	Nhà văn hóa Phước An	625,00	104,20	104,20	Không có	Xây dựng nhà văn hóa Phước An	Trụ sở làm việc nhà văn hóa Phước An	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.12	Nhà văn hóa Phước Đông	2.040,70	104,20	104,20	Không có	Xây dựng nhà văn hóa Phước Đông	Trụ sở làm việc nhà văn hóa Phước Đông	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.13	Nhà văn hóa Phước Bình B	10.075,00	104,20	104,20	Giấy CNQSDĐ số CT00872, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng nhà văn hóa Phước Bình B	Trụ sở làm việc nhà văn hóa Phước Bình B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.14	Nhà văn hóa Phước Hội A	538,90	104,20	104,20	Không có	Xây dựng nhà văn hóa Phước Hội A	Trụ sở làm việc nhà văn hóa Phước Hội A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.15	Nhà văn hóa Phước Hòa	812,30	104,20	104,20	Không có	Xây dựng nhà văn hóa Phước Hòa	Trụ sở làm việc nhà văn hóa Phước Hòa	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.17	Trung tâm văn hóa xã; Ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	5.290,90	491,90	491,90	Không có	Xây dựng trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Trụ sở làm việc Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.18	Sân bóng đá; Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	8.291,80			Giấy CNQSDĐ số CT00871, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng sân bóng đá	Sân bóng đá	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.19	Nhà bia tưởng niệm; Ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	763,80			Giấy CNQSDĐ số CT00870, cấp ngày 25/01/2014	Xây dựng nhà bia tưởng niệm	Nhà bia tưởng niệm	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.20	Chợ; Ấp Phước Hội, xã Phước Thạnh	1.149,10	403,28	403,28	Không có	Xây dựng chợ xã	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.21	Trạm Y tế xã; Ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	1.370,30	335,75	335,75	Không có	Xây dựng Trạm Y tế xã	Trụ sở làm việc Trạm Y tế xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
8	**Xã Phước Đông**								
8.1	Trụ sở UBND xã; Ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	4.614,60	1.976,82	3.953,63	Quyết định số 409/QĐ-CT ngày 24/12/1998 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.2	Trung tâm văn hóa xã; Ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	393,30	361,00	361,00	Quyết định số 359/QĐ-CT ngày 18/07/2003 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Trụ sở làm việc Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.3	Văn phòng ấp Phước Đức A	102,20	44,00	44,00	Giấy CNQSDĐ số CT00919, cấp ngày 04/3/2014	Xây dựng văn phòng ấp Phước Đức A	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Đức A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.4	Văn phòng ấp Phước Đức B	237,40	44,00	44,00	Giấy CNQSDĐ số CT00920, cấp ngày 04/3/2014	Xây dựng văn phòng ấp Phước Đức B	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Phước Đức B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.5	Văn phòng ấp Suối Cao A	71,90	44,00	44,00	Giấy CNQSDĐ số CT00921, cấp ngày 04/3/2014	Xây dựng văn phòng ấp Suối Cao A	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Suối Cao A	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.6	Văn phòng ấp Suối Cao B	219,80	44,00	44,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Suối Cao B	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Suối Cao B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.7	Văn phòng ấp Cây Trắc	96,60	44,00	44,00	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Cây Trắc	Trụ sở làm việc văn phòng ấp Cây Trắc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.8	Nhà văn hóa ấp Phước Đức B	1.770,00	132,43	132,43	Không có	Xây dựng văn phòng ấp Phước Đức B	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp Phước Đức B	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.9	Nhà văn hóa ấp Cây Trắc	1.107,50	134,28	134,28	Không có	Xây dựng nhà văn hóa ấp Cây Trắc	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp Cây Trắc	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.10	Chợ; Ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	1.932,00	722,00	722,00	Quyết định số 367/QĐ-CT ngày 01/11/2002 của UBND tỉnh Tây Ninh	Xây dựng chợ xã	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.11	Trường MG Phước Đông; Ấp Phước Đức A, xã Phước Đông	595,30	56,00	56,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.12	Trường MG Phước Đông; Ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	609,20	113,00	113,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.13	Trường MG Phước Đông; Ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	1.211,10	316,00	316,00	Không có	Xây dựng trường học	Trường học	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	**Xã Bàu Đồn**								
9.1	Trụ sở UBND xã; Ấp 7, xã Bàu Đồn	5.060,60	2.495,98	4.991,95	Giấy CNQSDĐ số CT00250	Xây dựng trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

Stt	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất (m^2)	Diện tích nhà (m^2)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Ghi chú
			Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
9.2	Chợ; Ấp 7, xã Bàu Đồn	3.525,00	2.407,30	2.407,30	Không có	Xây dựng chợ xã	Cho thuê mặt bằng chợ	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.3	Trung tâm VHTT-HTCĐ xã; Ấp 7, xã Bàu Đồn	5.095,00	361,00	361,00	Giấy CNQSDĐ số CT01685	Xây dựng Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Trụ sở làm việc Trung tâm VHTT-HTCĐ xã	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.4	Nhà văn hóa ấp 1, 2; Ấp 1 xã Bàu Đồn	2.493,40	66,00	66,00	Giấy CNQSDĐ số CT00776	Xây dựng nhà văn hóa ấp 1, 2	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp 1, 2	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.5	Nhà văn hóa ấp 3	1.322,65	66,00	66,00	Không có	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp 3	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.6	Nhà văn hóa ấp 5	1.385,50	66,00	66,00	Giấy CNQSDĐ số CT01684	Xây dựng nhà văn hóa ấp 5	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp 5	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.7	Nhà văn hóa ấp 6	1.148,90	66,00	66,00	Giấy CNQSDĐ số CT01683	Xây dựng nhà văn hóa ấp 6	Trụ sở làm việc nhà văn hóa ấp 6	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.8	Văn phòng ấp 1	221,50	52,50	52,50	Giấy CNQSDĐ số CT00770	Xây dựng văn phòng ấp 1	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 1	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.9	Văn phòng ấp 2	288,50	52,50	52,50	Giấy CNQSDĐ số CT00771	Xây dựng văn phòng ấp 2	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 2	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.10	Văn phòng ấp 3	98,10	41,00	41,00	Giấy CNQSDĐ số CT00772	Xây dựng văn phòng ấp 3	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 3	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.11	Văn phòng ấp 4	538,90	45,00	45,00	Giấy CNQSDĐ số CT00773	Xây dựng văn phòng ấp 4	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 4	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.12	Văn phòng ấp 5	63,20	52,50	52,50	Không có	Xây dựng văn phòng ấp 5	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 5	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.13	Văn phòng ấp 6	145,70	52,50	52,50	Giấy CNQSDĐ số CT00775	Xây dựng văn phòng ấp 6	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 6	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.14	Văn phòng ấp 7	689,60	44,00	44,00	Giấy CNQSDĐ số CT00776	Xây dựng văn phòng ấp 7	Trụ sở làm việc văn phòng ấp 7	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.15	Văn phòng ấp 1 cũ	128,80			Không có	Xây dựng văn phòng ấp 1	Không còn nhu cầu sử dụng	Bán đấu giá QSDĐ	
	Tổng cộng:	**664.628,97**	**96.124,93**	**124.790,33**					

Phụ lục I

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

DANH SÁCH ĐIỀU CHUYỂN TRỤ SỞ LÀM VIỆC DÔI DƯ SAU KHI RÀ SOÁT SẮP XẾP CHO CÁC CƠ QUAN THUỘC HUYỆN GÒ DẦU

(kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	TÊN ĐƠN VỊ CÓ TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN	TÊN ĐƠN VỊ NHẬN TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH		Ghi chú
				Nhà (m^2)	Đất (m^2)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trường Mầm non Thạnh Đức	Công an tỉnh	Tổ 19, đường số 9, ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	317,00	1.177,80	
2	Trường Mầm non Thanh Hà	Công an huyện	Số 55, đường Hùng Vương, tổ 15, KP Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	729,47	1.706,60	
3	Trường Mẫu giáo Phước Đông (nguồn gốc đất Trường TH Suối Cao giao lại)	Công an huyện	Tổ 01, ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh		1.661,90	
4	Trường THCS Thạnh Đức	Công ty Tanifood	Tổ 21, đường số 13, ấp Bến Mương, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	669,60	2.218,70	
	Tổng cộng:			**1.716,07**	**6.765,00**	

Phụ lục II

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

TRỤ SỞ LÀM VIỆC HUYỆN GÒ DẦU DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT VÀ QSDĐ NỘP NSNN GIAI ĐOẠN 2019-2020

(kèm theo Quyết định số 850 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH		SỐ TIỀN DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ UBND TỈNH (Đvt: nghìn đồng)			SỐ TIỀN DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ THỊ TRƯỜNG THỰC TẾ (Đvt: nghìn đồng)			Thời gian dự kiến bán	Ghi chú
			Nhà (m^2)	Đất (m^2)	Nhà	Đất	Cộng	Nhà	Đất	Cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=6+7*	*9*	*10*	*11=9+10*	*12*	*13*
1	Trường TH Trần Quốc Đại	Ấp Rỗng Tượng, xã Thanh Phước	314,996	493,40	17.136,0	135.685,0	152.821,0	17.136,0	493.400,0	510.536,0	Quý I/2020	Nhà hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý
2	Trường TH Phước Hội	Ấp Phước An, xã Phước Thạnh		1.225,50		337.012,5	337.012,5		735.300,0	735.300,0	Quý I/2020	
3	Trạm cấp nước cũ	KP3, đường Lê Văn Thới, khu phố Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu	45,00	45,00		159.750,0	159.750,0		1.152.000,0	1.152.000,0	Quý I/2020	Nhà hết giá trị sử dụng, chỉ còn vách tường, không có giá trị thanh lý
4	Trụ sở Đài Truyền thanh cũ	KP1, QL 22B, Khu phố Nội Ô A, thị trấn Gò Dầu	155,90	238,40	91.716,0	1.811.840,0	1.903.556,0	91.716,0	7.152.000,0	7.243.716,0	Quý IV/2019	Nhà hết giá trị sử dụng, năm 2013 có sửa chữa lại, xác định tỷ lệ còn lại
5	Sân vận động huyện Gò Dầu	Ô2, đường Lê Hồng Phong, khu phố Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu	240,00	11.639,20	36.577,0	18.622.720,0	18.659.297,0	36.577,0	279.340.800,0	279.377.377,0	Quý I/2019	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận
6	Trường MG Cẩm Giang cũ	Ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang		152,50		152.500,0	152.500,0		305.000,0	305.000,0	Quý II/2019	
7	Trường MG Bàu Đồn cũ	Đường 782, ấp 1, xã Bàu Đồn	129,17	352,20	1.798,0	475.470,0	477.268,0	1.798,0	2.817.600,0	2.819.398,0	Quý II/2019	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý vật tư tháo dỡ
8	Trường MG Bàu Đồn cũ	Đường 782, ấp 4, xã Bàu Đồn	320,21	1.132,00	5.347,0	1.358.400,0	1.363.747,0	5.347,0	7.924.000,0	7.929.347,0	Quý II/2019	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý vật tư tháo dỡ

Stt	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH		SỐ TIỀN DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ UBND TỈNH (Đvt: nghìn đồng)			SỐ TIỀN DỰ KIẾN BÁN ĐẤU GIÁ THỊ TRƯỜNG THỰC TẾ (Đvt: nghìn đồng)			Thời gian dự kiến bán	Ghi chú
			Nhà (m^2)	Đất (m^2)	Nhà	Đất	Cộng	Nhà	Đất	Cộng		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=6+7*	*9*	*10*	*11=9+10*	*12*	*13*
9	Trường TH Bến Đình	Ấp Bến Mương, xã Thạnh Đức	454,00	905,80	7.129,0	951.090,0	958.219,0	7.129,0	1.902.180,0	1.909.309,0	Quý II/2019	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý vật tư tháo dỡ
10	Văn phòng ấp Cẩm Long cũ	Ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	52,20	114,40	2.000,0	114.400,0	116.400,0	2.000,0	228.800,0	230.800,0	Quý I/2020	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý vật tư tháo dỡ
11	Văn phòng ấp Xóm Mía cũ	Ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	42,00	179,80	3.000,0	17.620,4	20.620,4	3.000,0	179.800,0	182.800,0	Quý II/2019	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý vật tư tháo dỡ
12	Đất tiếp giáp Trạm Y tế của xã	QL 22B, ấp Bàu Vừng, xã Phước		1.130,60		1.356.720,0	1.356.720,0		6.783.600,0	6.783.600,0	Quý II/2019	
13	Văn phòng khu phố Thanh Hà cũ	Ô2, khu phố Thanh Hà, thị trấn Gò Dầu	43,50	65,00		59.280,0	59.280,0		195.000,0	195.000,0	Quý II/2019	Tài sản hết giá trị sử dụng, tole, gỗ đã mục và gỉ sét, không còn giá trị thanh lý
14	Văn phòng ấp Xóm Đồng	Ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước	42,00	103,60	1.497,0	74.074,0	75.571,0	1.497,0	207.200,0	208.697,0	Quý I/2020	Tài sản hết giá trị sử dụng, đã xuống cấp không còn tận dụng, thanh lý vật tư tháo dỡ
15	Văn phòng ấp 1 cũ	Ấp 1, xã Bàu Đồn		128,80		92.092,0	92.092,0		386.400,0	386.400,0	Quý II/2019	
		Tổng cộng:	**1.838,976**	**17.906,200**	**166.199,970**	**25.718.653,900**	**25.884.853,870**	**166.200,000**	**309.803.080,000**	**309.969.280,000**		